

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST;

Ngày: 25-01-2021.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Ông Nguyễn Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 504/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Kim P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Hồ Thị Cẩm N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(*Anh P có mặt; chị N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn anh Trần Anh P trình bày:

Anh và chị Hồ Thị Cẩm N cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T. Sau khi cưới anh và chị N sống hạnh phúc được 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, do anh đi ghe mỗi chuyến vài tháng mới về nhà nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 02/2016 đến nay nên anh chị sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay, nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Anh yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thị Cẩm N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hồ Thị Cẩm N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị N vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Trần Kim P yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thị Cẩm N nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn chị Hồ Thị Cẩm N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Kim P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tình cảm: Anh Trần Kim P và chị Hồ Thị Cẩm N cưới nhau năm 2015, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh P xin ly hôn với chị N với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh P đi ghe mỗi chuyến vài tháng mới về nhà nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 02/2016 cho đến nay nên anh P và chị N đã sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay. Tại phiên tòa anh P vẫn cương quyết xin ly hôn với chị N, phía chị N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy chị N không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị N không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Trần Kim P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Anh P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Anh P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Trần Kim P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Kim P.

Về tình cảm: Anh Trần Kim P được ly hôn với chị Hồ Thị Cẩm Ng.

Về án phí: Anh Trần Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0004202 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy anh P đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện C;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA